ĐỀ 22

I. Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

Câu 1: Nối số số thập với cách đọc số thập phân tương ứng:

52,18	**a)** Bốn trăm linh sáu phẩy năm trăm bảy mươi ba.
324,21	**b)** Ba trăm hai mươi tư phẩy hai mươi mốt.
406,573	**c)** Năm mươi hai phẩy mười tám

Câu 2: Viết số thập phân, có (1đ)

a) Năm đơn vị, bảy phần mười: .....

b) Ba mươi hai đơn vị, tám phần mười, năm phần trăm .....

c) Không đơn vị, một phần nghìn: .....

* Em hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng dưới đây :

Câu 3: Số thập phân gồm có: bảy chục, hai đơn vị và năm phần trăm viết là:

A. 702,50 B. 72,05 C. 720,5 D. 27,05

Câu 4: Viết $\frac{201}{100}$ dưới dạng số thập phân ta được:

A. 2,01 B. 20,1 C. 2,10 D. 0,201

Câu 5: Số lớn nhất trong các số: 0,187 ; 0,169; 0,21; 0,9 là :

A. 0,9 B. 0,187 C. 0,169 D. 0,21

Câu 6: Số thích hợp vào chỗ chấm trong $7dm^2 4cm^2$ = ... cm^2

A. 74 B. 704 C. 740 D. 7400

Câu 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô ☐

☐ a) $8,56dm^2 = 8\frac{56}{100} dm^2$ ☐ b) 2060m = 20km 60m

Câu 8: Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 400m, chiều rộng 100m thì diện tích là:

A. 4000 ha B. 400 ha C. 40 ha D. 4 ha

Câu 9: $15,24 < x < 16,02$ (x là số tự nhiên)

A. $x = 15$ B. $x = 14$ C. $x = 16$

Câu 10: Phân số nào dưới đây là phân số thập phân :

A. $\frac{100}{45}$ B. $\frac{25}{100}$ A. $\frac{67}{55}$ A. $\frac{20}{40}$

Câu 11: 6 tấn 5 kg = ...kg. Số thích hợp cần viết vào chỗ chấm là:

A.65 B. 605 C. 6005

II. Phần tự luận: (4 đ)

Caâu 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

23m 4dm =……dm $20m^2$ $9dm^2$ = ….....…..dm^2

6 tấn 5 kg = ...kg $2009m^2$ =…….....dam^2.....m^2

Câu 2: Đặt tính rồi tính:

a) 438 906 + 45 029

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) 428 × 306

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3: Tổng số tuổi của mẹ và con hiện nay là 84 tuổi. Biết tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi mẹ. Hỏi:

a) Số tuổi của mẹ, của con hiện nay.

b) Đến 6 năm nữa thì tuổi của con bằng mấy phần tuổi mẹ?

……
……
……
……
……
……
……
……
……
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 22

I. Phần trắc nghiệm: (6 điểm)

Mỗi câu đúng 0,5 điểm, riêng câu 8 được 1 điểm

Câu 1: Nối số thập phân với cách đọc sau:

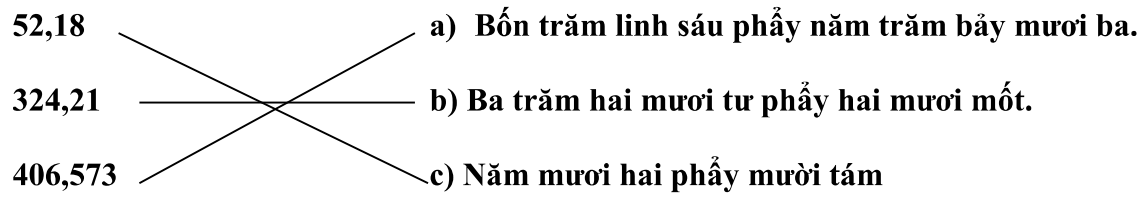

Câu 2: **a) 5,7** **c) 0,001** **b) 32,85**

Câu 3: **B. 72,05**

Câu 4: **A. 2,01**

Câu 5: **A. 0,9**

Câu 6: **B. 704**

Câu 7: **A. Đ** **B. S**

Câu 8: **D**

Câu 9: **C**

Câu 10: **B**

Câu 11: **C**

II. Phần tự luận: (4 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

23m 4dm = 234dm **$20m^2$ $9dm^2$ = $2009dm^2$**

6 tấn 5 kg = 6005kg $2009m^2$ = $20dam^2$ $9m^2$

Câu 2: (1điểm)

$$\begin{array}{r} 438906 \\ +\ \underline{45029} \\ \mathbf{483935} \end{array} \qquad \begin{array}{r} 428 \\ \times\ \underline{306} \\ \mathbf{2568} \\ \underline{\mathbf{1284}} \\ \mathbf{130968} \end{array}$$

Câu 3 (2 điểm) Làm đúng mỗi ý được 1 điểm

Đáp án đúng:

Tóm tắt

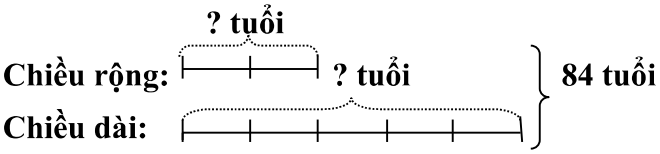

a)Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

2 + 5 = 7 (phần)

Tuổi con hiện nay là:

84 : 7 × 2 = 24 (tuổi)

Tuổi mẹ hiện nay là:

84 – 24 = 60 (tuổi)

b) Tuổi con 6 năm nữa là:

24 + 6 = 30 (tuổi)

Tuổi mẹ 6 năm nữa là:

60 + 6 = 66 (tuổi)

6 năm nữa tuổi con bằng:

$\frac{30}{66} = \frac{5}{11}$ **tuổi mẹ**

Đáp số: a) Mẹ : 60 tuổi; con : 24 tuổi.

b) Tuổi con bằng $\frac{5}{11}$ **tuổi mẹ**

ĐỀ SỐ 23

Bài 1 (2đ) : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a/ Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $9m^2\ 8dm^2$ =……..m^2 là:

A. 9,8 B. 9,80 C. 9,08 D. 9,008

b/ Giá trị chữ số 9 trong số 7,009 là:

A. 900 B. $\frac{9}{10}$ C. $\frac{9}{100}$ D. $\frac{9}{1000}$

c/ Số 9,6 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $9\frac{6}{10}$ B. $6\frac{9}{10}$ C. $9\frac{6}{100}$ D. $6\frac{9}{100}$

d/ Tỉ số phần trăm của 16 và 25 là :

A. 6,4% B. 0,64% C. 64% D. 6,04%

Bài 2 (1,5đ) :Tìm **x:**

a/ **X** – 64,8 = 35,08 b/ **X** : 2,8 = 5,06

Bài 3 (2đ) / Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a/ $98dm^2 = 9,8m^2$ ☐ b/ 0,49 = 49% ☐

c/ 69,7 + 4 = 69,11 ☐ d/ 30 – 2,4 = 27,6 ☐

Bài 4 (2đ) : Đặt tính rồi tính

48,95 + 29,91 76,48 – 8,64 25,8 × 1,5 91,08 : 3,6

Bài 5 (1đ): Một ô tô cứ 10l xăng đi được 80km. Hỏi ô tô đó đi quãng đường dài 128km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

Bài làm

Bài 6 (1,5đ): Một hình tam giác có độ dài đáy là 28cm, chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ độ dài đáy. Tính diện tích hình tam giác đó.

Bài làm

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 23

a/ Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $9m^2\ 8dm^2$ =……..m^2 là :

A. 9,8 B. 9,80 C. <u>9,08</u> D. 9,008

b/ Giá trị chữ số 9 trong số 7,009 là:

A. 900 B. $\frac{9}{10}$ C. $\frac{9}{100}$ <u>D</u>. $\frac{9}{1000}$

c/ Số 9,6 viết dưới dạng hỗn số là :

A. $9\frac{6}{10}$ B. $6\frac{9}{10}$ C. $9\frac{6}{100}$ D. $6\frac{9}{100}$

d/ Tỉ số phần trăm của 16 và 25 là :

A. 6,4% B. 0,64% C. 64% D. 6,04%

Bài 2 (1,5đ) :Tìm x

a/ **X** – 64,8 = 35,08

X = 35, 08 + 64, 8

X = 99, 88

b/ **X** : 2,8 = 5,06

X = 5, 06 × 2, 8

X = 14, 168

Bài 3 (2đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a/ S

b/ Đ

c/ S

d/ Đ

Bài 4 :

68,72 + 29,91 = 98,63

52,37 – 8,64 = 43,73

25,8 × 1,5 = 38,7

0,603 : 0,09 = 6,7

Bài 5

Cách 1 : Số lít xăng ô tô đi 1km là:

10 : 80 = 0,125 (l) (0,5đ)

Đi quãng đường dài 120km thì xe ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$0{,}125 \times 120 = 15$ (l) (0,5đ)

Đáp số: 15 lít xăng.

Cách 2 : Một lít xăng đi được số kí-lô-mét:

$80 : 10 = 8$ (km) (0,5đ)

Đi quãng đường dài 120km thì xe ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$120 : 8 = 15$ (l) (0,5đ)

Đáp số: 15 lít xăng

Cách 3 : Quãng đường dài 120km gấp quãng đường dài 80km số lần là:

$120 : 80 = 1{,}5$ (lần) (0,5đ)

Đi quãng đường dài 120km thì xe ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$10 \times 1{,}5 = 15$ (l) (0,5đ)

Đáp số: 15lít xăng

Cách 4 : Đi 1km ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$10 : 80 = 0{,}125$ (l) (0,5đ)

Quãng đường 120km dài hơn quãng đường dài 80km là

$120 - 80 = 40$ (km)

Đi quãng đường dài 120km thì xe ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$0{,}125 \times 40 + 10 = 15$ (l) (0,5đ)

Đáp số: 15 lít xăng

Cách 5 : Đi quãng đường dài 120km thì xe ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$(10 : 80) \times 120 = 15$ (l) (0,5đ) Đáp số: 15 lít xăng

Cách 6 : Đi quãng đường dài 120km thì xe ô tô tiêu thụ hết số lít xăng là:

$(120 : 80) \times 10 = 15$ (l) (1đ) Đáp số: 15 lít xăng

Bài 7 (1,5đ):

Chiều cao của hình tam giác đó là : $28 \times \frac{3}{4} = 21$ (cm) (0,75đ)

Diện tích hình tam giác đó là : $28 \times 21 : 2 = 294$ (cm^2) (0,75đ) Đáp số : $294cm^2$

ĐỀ SỐ 24

I. PHẦN 1: (6 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Bài 1. (1điểm) $5\frac{8}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 5,0 008 B. 5,008 C. 5,08 D. 5,8

Bài 2. (1điểm) Trung bình cộng của 1,12 ; 2,78 ; 3 là:

A. 3,93 B.20,70 C. 6,90 D. 2,3

Bài 3. (1điểm) 3kg 6g =……g

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là: (1điểm)

A. 360 B. 306 C. 3006 D. 36

Bài 4. (1điểm) $2m^2\ 3cm^2$ = ……m^2 (0,5đ)

A. 2,003 B. 2,0003 C. 20,03 D. 20,003

Bài 5. (1điểm) Khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 42m, chiều rộng 38m. Chu vi khu vườn đó là:

A. 1596m B. 1600m C. 160m D. 118m

Bài 6. (1điểm) Một miếng bìa hình tam giác có cạnh đáy 8,5dm, chiều cao bằng $\frac{2}{5}$ cạnh đáy. Diện tích của miếng bìa là:

A. 1,445dm^2 B.14,45dm^2 C.144,5dm^2 D.1445dm^2

II. PHẦN 2: (4 điểm)

Bài 1. (1điểm) Một công nhân sản xuất được 72 sản phẩm trong 3 giờ. Nếu công nhân đó, làm việc trong 6,5giờ thì sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

Bài 2. (2điểm) Đặt tính rồi tính:

a. 658,3 + 96,28 b. 93,813 – 46,47 c. 37,14 × 82 d. 308 : 5,5

Bài 3. (1điểm) Trên một mảnh đất, diện tích đất làm nhà là $80m^2$. Diện tích đất còn lại là $320m^2$.

Hỏi diện tích đất làm nhà chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích đất còn lại?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 24

I. Phần 1: (6 điểm)

Khoanh đúng vào mỗi câu được 1 điểm (6 câu = 6 điểm)

Câu 1) B. 5,008 (1đ)

Câu 2) D. 2,3 (1đ)

Câu 3) C. 3006g (1đ)

Câu 4) B. 2,0003 m^2 (1đ)

Câu 5) C.160 m (1đ)

Câu 6) B.14,45 dm^2 (1đ)

II. Phần 2:(4 điểm)

Bài 1: (1điểm). Một công nhân sản xuất được 72 sản phẩm trong 3 giờ. Nếu công nhân đó, làm việc trong 6,5 giờ thì sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

* HDC: Mỗi lời giải đúng 0,25đ, mỗi phép tính đúng 0,25đ (Nếu không có đáp số trừ 0,25đ và tùy mức độ sai của học sinh mà GV trừ điểm).

* ĐA: Bài giải

Trong 1 giờ người công nhân sản xuất được là: (0, 25đ)

72 : 3 = 24 (sản phẩm) (0 ,25đ)

Trong 6,5 giờ người công nhân sản xuất được là: (0 ,25đ)

24 × 6,5 = 156 (sản phẩm) (0,25đ)

Đáp số: 156 sản phẩm

Bài 2: (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

*HDC: Mỗi phép tính đúng 0,5đ. Đặt tính 0,25đ và tính đúng 0,25đ (Phép nhân 2 tích riêng đúng 0,25đ, kết quả đúng 0,25đ. Phép chia không thêm 0, chưa bỏ dấu phẩy trừ 0,25đ)

a) 658,3	b) 93,813	c) 37, 14	d) 3080 | 5,5
+ 96.28	- 46,47	× 82	330 | 56
754,58	47,343	74 28	00
		29 71 2	
		30 45,48	

Bài 3. (1điểm). Trên một mảnh đất, diện tích đất làm nhà là 80m^2. Diện tích đất còn lại là 320m^2.

Hỏi diện tích đất làm nhà chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích đất còn lại?

* HDC: Lời giải đúng 0,25đ, phép tính đúng 0,25đ (Nếu không có đáp số trừ 0,25đ và tùy mức độ sai của học sinh mà GV trừ điểm).

* ĐA:

Bài giải

Tỉ số phần trăm của diện tích đất làm nhà và diện tích đất còn lại là : (0,25đ)

80 : 320 × 100 = 25 % (0,5 đ)

Đáp số: 25 % (0,25đ)

ĐỀ SỐ 25

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2 điểm): Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hỗn số $5\frac{8}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là

A. 5,8 B. 5,08 C. 5,008 D. 5,0008

Câu 2. Tìm x biết $\overline{0,6}$ x 6 < 0,636

A. x = 0 B. x=1 C. x=2 D. Tất cả đều đúng

Câu 3. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân?

A. $\frac{56}{1000}$ B. $\frac{100}{34}$ C. $\frac{3}{25}$ D. $\frac{67}{400}$

Câu 4. Dãy số nào dưới đây chứa bốn số bằng nhau:

A. 5,001; 5,010; 5,100; 5,1 B. 0,3; 0,30; 0,300; 0,3000

C. 4,18; 4,180; 4,810; 4,81 D. 7,800; 7,080; 7,880; 7,082

PHẦN 2: TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1: (1đ): Viết các số thập phân gồm có:

- Năm đơn vị, tám phần mười.....
- Sáu chục, ba đơn vị, tám phần trăm.....
- Bốn mươi lăm đơn vị, bảy trăm sáu mươi ba phần nghìn.....
- Sáu nghìn không trăm mười chín đơn vị, năm phần nghìn.....

Bài 2: (1đ): Điền >, <, = vào chỗ chấm

a, 79,999…80,1 c, 95,5…95,548

c, 0,8… 0,798 d, 79,1 … 79,0101

Bài 3: (1đ): Viết số thích hợp vào chỗ trống

24tấn82kg = … tấn $6dm^2$ = …. m^2

9m8cm = … m $5000m^2$ = ··· ha

Bài 4(2đ): Tính

$\frac{6}{7} \times \frac{7}{12}$ = ……..... $\frac{4}{5} : \frac{8}{9}$=

……..... $\frac{1}{6} + \frac{7}{12}$ = ……..... 7 - $\frac{5}{8}$=

……..... = ……..... =

……..... Bài 5(1đ): Tìm x

$X \times 12 = 150 \times 2$ $\qquad\qquad$ $\frac{3}{4} : X = \frac{1}{2}$

Bài 6 (2đ): Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng = $\frac{1}{6}$ chiều dài. Thửa ruộng trồng lúa cứ $100m^2$ thu hoạch được 45kg thóc. Hỏi chủ thửa ruộng thu được bao nhiêu tiền bán thóc biết giá 1 kg thóc là 6000 đồng?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 25

PHẦN I: (2điểm)

Bài 1: Khoanh đúng vào chữ đặt trước câu trả lời đúng, mỗi trường hợp : 0,5 điểm.

1. C
2. D
3. A
4. B

PHẦN II: (8 điểm)

Bài 1:(1đ) Viết đúng mỗi số cho 0,25 điểm

Bài 2:(1đ) Điền đúng mỗi ý cho 0,25 điểm

Bài 3: (1đ) Làm đúng mỗi ý cho 0,25 điểm

Bài 4: (2đ) Mỗi ý đúng cho 0,5 điểm

Bài 5 (1đ):

$X \times 12 = 150 \times 2$

$X \times 12 = 300$

$X = 300 : 12$

$X = 25$

$\frac{3}{4} : X = \frac{1}{2}$

$X = \frac{3}{4} : \frac{1}{2}$

$X = \frac{3}{2}$

Bài 6 (2đ):

Giải

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là

$120 : 6 = 20$ (m) 0,5đ

Diện tích thửa ruộng là

$120 \times 20 = 2400$ (m^2) 0,5đ

Số thóc thu được từ thửa ruộng là

$2400 : 100 \times 45 = 1080$ (kg)

0,5đ

Số tiền người chủ thửa ruộng thu được khi bán thóc là

$1080 \times 6000 = 6\,480\,000$ (đồng) 0,5đ

Đáp số: 6 480 000 đồng

ĐỀ SỐ 26

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,5đ)

1/ (0,5đ) Chữ số 5 trong số 123,456 thuộc hàng:

A . đơn vị B . phần mười C. chục D. phần trăm

2/ (0,5đ) Phân số $\frac{2017}{1000}$ ***viết dưới dạng số thập phân là:***

A . 20,17 B . 201,7 C. 2,017 D. 2017

3/ (0,5đ) Tìm chữ số x, biết : 9,6x4 < 9,614

A . $x = 6$ B . $x = 0$ C . $x = 1$ D . $x = 9$

4/ (0,5đ) Tỉ số phần trăm của 13,5 và 9 là:

A. 15 % B. 13,5 % C. 150 % D. 135%

5/ (0,5đ) Thanh sắt dài 0,7m cân nặng 9,1kg. Hỏi thanh sắt cùng loại dài 1,7m thì cân nặng là:

A. 13kg B. 22,1kg C. 2,21kg D. 221kg

PHẦN II : TỰ LUẬN (7,5đ)

Bài 1*(2 điểm)* **- Đặt tính rồi tính:**

82,89 + 129,76 91,24 – 3,456 69,8 x 7,8 437,76 : 9,6

……

……

……

……

……

……

Bài 2 ***(2 điểm)*** **Điền số thích hợp vào chỗ trống:**

a) 1,2 ha = ... m^2 c) 201,7 dm^2 = ... m^2

b) 2,016 kg = ...g d) 3 m 6 cm = ... dm

Bài 3 ***(1 điểm)*** **Tìm *x*, biết:**

a/ 201,6 x ***x*** = 20,16 b/ ***x*** x 7,2 - ***x*** x 6,2 = 201,6

.....
.....
.....
.....

Bài 4 ***(1,5 điểm):*** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 43,5m; chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích mảnh đất đó?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5 ***(1 điểm):*** Một người gửi tiết kiệm 40 000 000 đồng với lãi suất 0,5% một tháng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 26

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,5đ)

1/ (0,5đ) Chữ số 5 trong số 123,456 thuộc hàng: **D . phần trăm**

2/ (0,5đ) Phân số $\frac{2017}{1000}$ *viết dưới dạng số thập phân là:* **C. 2,017**

3/ (0,5đ) Tìm chữ số x, biết : 9,6x4 < 9,614 **B . $x = 0$**

4/ (0,5đ) Tỉ số phần trăm của 13,5 và 9 là : **C. 150 %**

5/ (0,5đ) Thanh sắt dài 0,7m cân nặng 9,1kg. Hỏi thanh sắt cùng loại dài 1,7m thì cân nặng là : **B. 22,1kg**

PHẦN II : TỰ LUẬN (7,5đ)

Bài 1 *(2 điểm)* **- Đặt tính rồi tính:**

82,89 + 129,76	91,24 – 3,456	69,8 x 7,8	437,76 : 9,6
212,65	**87,784**	**544,44**	**45,6**

Bài 2 ***(2 điểm)*** **Điền số thích hợp vào chỗ trống:**

a) 1,2 ha = **12000** m^2

b) 2,016 kg = **2016** g

c) 201,7 dm^2 = **2,017** m^2

d) 3 m 6 cm = **30,6** dm

Bài 3 ***(1 điểm)*** **Tìm *x*, biết:**

a/ 201,6 x ***x*** = 20,16

***x* = 20,16 : 201,6**

***x* = 0,1**

;

b/ ***x*** x 7,2 - ***x*** x 6,2 = 201,6

***x* x (7,2 – 6,2) = 201,6**

***x* x 1 = 201,6**

***x* = 201,6**...

Bài 4 ***(1,5 điểm):*** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 43,5m; chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích mảnh đất đó?

Bài giải

Chiều rộng mảnh đất là: 43,5 : 3 x 2 = 29 (m) (0,25đ)

Chu vi của mảnh đất đó là:

(43,5 + 29) x 2 = 145 (m) (0,5đ)

Diện tích của mảnh đất đó là:

43,5 x 29 = 1261,5 (m^2) (0,5đ)

Đáp số: P = **145 m** ; S = **1261,5 dm^2** (0,25đ)

Bài 5 ***(1 điểm):*** Một người gửi tiết kiệm 40 000 000 đồng với lãi suất 0,5% một tháng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?

Bài giải :

Sau một tháng người đó được số tiền lãi là: 40 000000 : 100 x 0,5 = 200 000 (đ)

Sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là: 40 000 000 + 200 000 = 40 200 000 (đ)

Đáp số : **40 200 000 đồng.**

ĐỀ SỐ 27

Phần 1. Trắc nghiệm.

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Chữ số 5 trong số thập phân 169, 156 có giá trị là.

A. 5 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

Câu 2: Các số 5,7; 6,02; 4,23; 4,32; 5,3 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 5,7; 6,02; 4,23; 4,32; 5,3 B. 6,02; 5,7; 5,3; 4,32; 4,23

C. 4,23; 5,3; 5,7; 6,02; 4,32 D. 4,23; 4,32; 5,3; 5,7; 6,02

Câu 3: Số nào dưới đây có cùng giá trị với 0,08?

A. 0,800 B. 8,00 C. 0,80 D. 0,080

Câu 4: 11 tấn + 2 kg = ... kg

A. 11002 kg B. 1102 kg C. 11020 kg D. 11200 kg

Câu 5: Hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 18,5cm. Diện tích của hình chữ nhật đó là:

A. 4,625 cm^2 B. 46,25 cm^2 C. 462,5 cm^2 D. 4625cm^2

Câu 6. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để 9m^2 8dm^2 =……..dm^2 là:

A. 98 B. 980 C. 908 D. 9008

Câu 7: Tỉ số phần trăm của hai số 16 và 50 là:

A. 3,2 % B. 32 % C. 33% D. 320%

Phần 2. Tự luận:

Câu 1. **Đặt tính rồi tính:**

5,67 + 7,89 38,56 - 27,29

…… ……

…… ……

…… ……

…… ……

…… ……

56,78 x 7,8 75,52 : 3,2

…… ……

…… ……

…… ……

…… ……

…… ……

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện nhất

a. 6,7 x 9,3 + 3,3 x 9,3 b. 5,5 x 4,7 – 4,5 x 4,7

.....……

……..…

.....……

……..…

.....……

……..…

Câu 3: Tổ khối 5 của một trường Tiểu học có số học sinh là 112 em với 4 lớp. Hỏi:

a. Bình quân mỗi lớp có bao nhiêu em ?

b. Biết rằng số học sinh nam chỉ bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh nữ. Hỏi tổ khối 5 có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Đáp Án ĐỀ 27

I. Trắc nghiệm: 4 điểm (Từ câu 1 đến câu 6, mỗi câu khoanh đúng cho 0,5 điểm. Câu 7: 1 điểm)

1- C ; 2 - D; 3- D; 4 - A; 5 - C; 6 - C; 7 - B

II. Tự Luận

Câu 1: 2 điểm (Mỗi phép tính đúng cho 0,5 điểm)

Câu 2: 1 điểm (Mỗi câu đúng 0,5 điểm)

a. 6,7 x 9,3 + 3,3 x 9,3
= (6,7 + 3,3) x 9,3
= 10 x 9,3
= 93

b. 5,5 x 4,7 – 4,5 x 4,7
= (5,5 – 4,5) x 4,7
= 1 x 4,7
= 4,7

Câu 3: 3 điểm

Bài giải

a. Bình quân mỗi lớp có số em là:

112 : 4 = 28(em) 0,75 điểm

b. Số học sinh nam là:

112: (3+4) x 3 = 48 (học sinh) 1 điểm

Số học sinh nữ là:

112 – 48 = 64 (học sinh) 1 điểm

Đáp số: a. 28 em

b. 48 học sinh; 64 học sinh (0,25 đ)

ĐỀ SỐ 28

I. <u>Trắc nghiệm</u>: (5 điểm) Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

<u>Câu 1:</u> Số thập phân 502, 467 đọc là.....

<u>Câu 2</u>*:* Số thập phân gồm có: Bảy đơn vị, hai phần trăm được viết là:

a, $7\frac{20}{100}$ b, 7,02 c, $7\frac{2}{100}$ d, 7,2

Câu 3: Giá trị của chữ số 5 trong số thập phân 879,457 có giá trị là:

a. $\frac{5}{10}$ b. $\frac{5}{1000}$ c. 50 d. $\frac{5}{100}$

<u>Câu 4</u>: Phân số thấp phân $\frac{806}{100}$ được viết thành số thập phân là:

a. 8,6 b. 0,806 c. 8,60 d. 8,06

<u>Câu 5</u>: Chu vi hình chữ nhật có chiều dài $\frac{3}{2}$ m và chiều rộng $\frac{1}{2}$ m là:

a. $\frac{3}{4}$ m b. $\frac{6}{4}$ m c. 4 m d. $\frac{2}{4}$ m

<u>Câu 6:</u> Số lớn nhất trong các số *39,402; 39,204; 40,392; 40,293* là:

A. 40,392 B. 39,204 C. 40,293 d. 39,402

<u>Câu 7:</u> Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 3 m, chiều rộng 2,5m là:

a, $75m^2$, b, $7,5m^2$ c, $5,5m^2$ d, $2,8m^2$

<u>Câu 8:</u> Viết số thích hợp vào chỗ chấm: *30g = … kg.*

a. 30 000 kg b.0,03 kg c. 0,3kg d. 3kg

<u>Câu 9 :</u> Viết số thích hợp vào chỗ chấm: *627 m^2 = ha*

a. 627 ha b.0, 0627ha c. 6,027ha d.6,27 ha

Câu 10: Diện tích hình tam giác có độ dài đáy là 3m, chiều rộng 24dm là:

a, $72m^2$, b, $7,2m^2$ c, $3,6m^2$ d, 54 m^2

II. <u>Tự luận</u>: (5điểm)

<u>Câu 1</u>*:* (1,5đ**)** **Tính**

40,8 : 12 – 2,03

<u>Câu 2</u>*:*(1đ**)** **Tìm x:**

12,3 : x – 4,5 : x = 15

<u>Câu 3:</u> (2,5đ**)**

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 26m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính chu và diện tích mảnh đất